

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HS-ST
Ngày: 22-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Thơm** – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Trà Ôn.

2/ Ông **Trần Văn Hiểu** – Phó hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Xuân Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Hoàng Minh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Phong Cảnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 20/4/2006, tại: huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/3/2024 đến ngày 04/9/2024 tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Luật sư chỉ định ông **Lê Minh C** – Văn phòng luật sư Lê C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Th** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Hữu H1**, sinh ngày 31/5/2003 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà **Trần Thị T1**, sinh ngày 01/01/1975 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Thành K1**, sinh ngày 11/8/2007 (Có mặt).

2. Anh **Nguyễn Văn K2**, sinh ngày 26/7/2008 (Vắng mặt).

3. Anh **Nguyễn Trung K3**, sinh ngày 29/02/1976 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/12/2023, Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 20/4/2006 nơi thường trú ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Thành K1, sinh ngày 11/8/2007 nơi thường trú ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và Nguyễn Văn K2, sinh ngày 26/7/2008 nơi thường trú ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến nhà Nguyễn Hữu H1, sinh ngày 31/5/2003 nơi thường trú khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long để tìm đôi dép của H (do trước đó bạn của H mang đi và để ở nhà của H1) nhưng không gặp. H nhìn thấy 02 con loại tự chế, lưỡi dao bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen ở khu vực trước nhà của Nguyễn Hựu H1 (không rõ của ai), H kêu K2 lượm dao sau đó H điều khiển xe chở K1 và K2 ra lộ nhựa đến quán nước của ông Nguyễn Văn L thuộc khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì gặp Nguyễn Hữu H1 tại đây H và H1 xảy ra cự cãi (do không tìm gặp được đôi dép). H cầm lấy 02 con dao do Nguyễn Văn K2 để trên yên xe mỗi tay một con dao và chém trúng 02

cẳng tay của H1 gây thương tích, H làm rơi một con dao tại hiện trường, dao còn lại H vứt xuống sông. Nguyễn Hữu H1 được đưa đi cấp cứu điều trị tại Trung tâm y tế huyện Trà Ôn và chuyển Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ điều trị. Ngày 02/01/2024 bà Trần Thị T1, sinh năm 1975 nơi thường trú khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long là mẹ ruột của Nguyễn Hữu H1 đến Công an thị trấn Trà Ôn (xã Thiện Mỹ cũ) tố giác hành vi gây thương tích của Nguyễn Tuấn H.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 38/KLTTCT-TTPY, ngày 22/02/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Vĩnh Long đối với Nguyễn Hữu H1 kết luận như sau:

1. Các kết quả chính: Vết thương mặt trong 1/3 trên cẳng tay trái do vật sắc gây nên đứt gân duỗi chung các ngón, tổn thương 1/2 vỏ xương trụ điều trị hiện tại sẹo kích thước 7 x 0,3cm khuyết nhẹ bờ xương 1/3 trên xương trụ trái, không ảnh hưởng thẩm mỹ. Tỷ lệ 09%. Vết thương mặt trong 1/3 cẳng tay phải do vật sắc gây nên đứt gân duỗi chung các ngón, tổn thương 1/2 thân xương trụ, được điều trị hiện tại sẹo kích thước 8 x 0,3cm khuyết nhẹ bờ xương 1/3 trên xương trụ phải, dẫn truyền dây thần kinh vận động bên phải giảm biên độ, tổn thương không ảnh hưởng thẩm mỹ. Tỷ lệ 11%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hữu H1 tại thời điểm giám định là 19% (Mười chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Ngày 03/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Tuấn H về tội “Cố ý gây tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật, xử lý vật chứng:

Đối với 02 con dao loại tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen do một con dao rớt tại hiện trường, dao còn lại bị cáo vứt xuống sông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Hữu H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng), bị cáo H đồng ý bồi thường và đã bồi thường xong nên bị hại H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bà Trần Thị T1 là mẹ ruột của bị hại Nguyễn Hữu H1 trong quá trình bị hại điều trị thương tích bà là người trực tiếp chăm sóc cho bị hại nhưng bà không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì cho bà.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKSTÔ ngày 28/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Tuấn H thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan, bị cáo khai nhận khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/12/2023 tại khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Hữu H1 nên bị cáo đã có hành vi dùng 02 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen chém trúng 02 cẳng tay của Nguyễn Hữu H1 02 cái, gây thương tích cho bị hại tỷ lệ 19%. Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận và đã bồi thường cho bị hại nhận xong số tiền 4.900.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Tuấn H, sự việc bị cáo H dùng dao chém bị hại gây thương tích chị không hay biết gì. Sau khi sự việc xảy ra chị có gặp gia đình bị hại H1 và đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.900.000 đồng, số tiền này là của bị cáo H đưa chị bồi thường cho bị hại và trong vụ án này chị không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn H theo tội danh và Điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54, 65 và khoản 1

Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H từ **01** (Một) năm đến **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02** (Hai) năm đến **03** (Ba) năm.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Tuấn H đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu H1 số tiền 4.900.000 đồng, bị hại đã nhận xong nên không yêu cầu gì thêm vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bà Trần Thị T1 là người trực tiếp chăm sóc bị hại Nguyễn Hữu H1 trong quá trình điều trị thương tích nhưng bà không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn H bồi thường gì cho bà vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 02 con dao loại tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen do một con dao rớt tại hiện trường, dao còn lại bị cáo vứt xuống sông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư chỉ định ông Lê Minh C là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn H trình bày: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt cũng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và ý kiến luận tội của vị Kiểm sát viên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Huỳnh dưới 18 tuổi; bị cáo có trình độ thấp nên việc nhận thức, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế, phía bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi là do bị hại đã có những lời lẽ thách thức bị cáo nên trong lúc tức giận bị cáo không kiềm chế được bản thân vì vậy đã có hành vi dùng dao chém bị hại gây thương tích. Do bị cáo Nguyễn Tuấn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho bị cáo được hưởng treo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người

hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự do phía gia đình bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa hôm nay do bà Nguyễn Thị Th là Trợ giúp viên pháp lý vắng mặt như có gửi lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn H nên Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung bào chữa của vị Trợ giúp viên pháp lý: Thống nhất với tội danh, khung hình phạt cũng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và ý kiến luận tội của vị Kiểm sát viên. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H dưới 18 tuổi; bị cáo có trình độ thấp nên việc nhận thức, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế, phía bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất. Do bị cáo Nguyễn Tuấn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất đối với hành vi của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tuấn H trình bày: Thống nhất theo lời bào chữa của vị Luật sư chỉ định, Trợ giúp viên pháp lý và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị thống nhất theo lời bào chữa của vị Luật sư chỉ định, Trợ giúp viên pháp lý và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/12/2023 tại khóm M (ấp M cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do có mâu thuẫn với bị hại Nguyễn Hữu H1 nên bị cáo đã có hành vi dùng 02 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen chém trúng 02 cẳng tay của Nguyễn Hữu H1 02 cái, hậu quả gây thương tích cho bị hại Nguyễn Hữu H1 tỷ lệ thương tật 19%. Việc bị cáo dùng 02 con dao tự chế, lưỡi dao bằng kim loại có một mặt sắc chém trúng 02 cẳng tay của bị hại 02 cái, gây thương tích 19% nên được xem là hung khí nguy hiểm. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 64/CT-VKSTÔ ngày 28/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do nóng giận không tìm thấy được đôi dép của bạn gái tặng mà còn bị Nguyễn Hữu H1 thách thức và chửi xúc phạm bị cáo, không kiềm chế được bản thân vì vậy bị cáo đã có hành vi dùng 02 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại có mặt sắc chém bị hại gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 19%. Khi thực hiện hành vi bị cáo biết rằng việc dùng hung khí chém gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cho thấy hành vi của bị cáo là xem thường sức khỏe của người khác, xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Ngoài ra, xét thấy trong vụ án này bị hại Nguyễn Hữu H1 vẫn có một phần lỗi, bị hại là người đã có lời lẽ chửi xúc phạm và thách thức bị cáo nên trong lúc tức giận bị cáo không kiềm chế được bản thân dẫn đến có hành động dùng dao tự chế chém bị hại gây thương tích.

[4]. Tình tiết tăng nặng: Không.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy nhân thân của bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho phía bị hại với số tiền 4.900.000 đồng và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại và yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, tại thời điểm bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi; bị cáo thuộc gia đình lao động thấp, có trình độ văn hóa thấp nên việc nhận thức, am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo không thuộc thành phần nguy hiểm cho xã hội và bị cáo đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được quy định tại Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và áp dụng Điều 90, 91, 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Xét lời bào chữa của vị Luật sư chỉ định và Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Tuấn H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu H1 số tiền 4.900.000 đồng, bị hại đã nhận xong và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bà Trần Thị T1 là người trực tiếp chăm sóc bị hại Nguyễn Hữu H1 trong quá trình điều trị thương tích nhưng bà không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn

H bồi thường gì cho bà vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 02 con dao loại tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen do một con dao rớt tại hiện trường, dao còn lại bị cáo vứt xuống sông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tuấn H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn H **01 (Một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (Hai)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/11/2024).

Giao người bị kết án Nguyễn Tuấn H cho Ủy ban nhân dân xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Tuấn H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu H1 số tiền 4.900.000 đồng, bị hại đã nhận xong và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với bà Trần Thị T1 là người trực tiếp chăm sóc bị hại Nguyễn Hữu H1 trong quá trình điều trị thương tích nhưng bà không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tuấn H bồi thường gì cho bà vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 con dao loại tự chế, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc, cán dao được quấn băng keo màu đen do một con dao rớt tại hiện trường, dao còn lại bị cáo vứt xuống sông nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn H nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị hại và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (01);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (01);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND huyện Trà Ôn (01);
- CCTHADS huyện Trà Ôn (01);
- Công an huyện Trà Ôn (02);
- UBND xã B (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Phương